TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2018
V/v tranh chấp:"Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hiếu

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 512/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp N, xã D, huyện T, tỉnh V.

2. Bị đơn: Ông Lương Viết S, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh N.

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông S có mặt; Ngân hàng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2017, các bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà chung sống với ông Lương Viết S vào năm 1988, trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã xã

D, huyện T, tỉnh V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01 ngày 30/7/2004.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông S không có trách nhiệm, không phụ giúp bà lo cho gia đình (ông S để tiền lập tài khoản riêng, không cho bà đứng tên sổ đỏ, không đưa tiền cho bà nuôi con, con trai riêng của ông S nhiều lần xúc phạm và hăm dọa bà…) nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 03/2017 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không hòa giải đoàn tụ lần nào.

Nay bà cương quyết xin ly hôn với ông S vì vợ chồng hết tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, không thể hòa giải đoàn tụ được nữa.

- Con chung: có 02 cháu là Lương Viết D, sinh ngày 20/12/1989 và Lương Thanh H1, sinh ngày 20/10/1996. Hiện nay 02 con đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung: Bà không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: đối với số nợ ngân hàng, nay ông S tự chịu trách nhiệm trả và Ngân hàng cũng không tranh chấp nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại các bản khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Lương Viết S trình bày:

Ông và bà H tự nguyện chung sống vào năm 1988, đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, tỉnh V.

Việc bà H khai ông không cho bà đứng tên sổ đỏ là không đúng (vì đất là cha mẹ cho riêng, thủ tục tặng cho anh em trong gia đình thống nhất làm, hộ khẩu bà H ở tỉnh V nên để ông đứng tên). Việc bà H khai ông không có trách nhiệm với gia đình là không đúng. Ông thừa nhận con riêng của ông đối xử không tốt với bà H, nhưng hiện nay ông đã cho con ở riêng. Ông và bà H sống ly thân nhau từ tháng 3/2017, ông có điện thoại để hòa giải nhưng bà H không đồng ý. Do ông còn thương yêu bà H nên không đồng ý ly hôn.

- Con chung: ông và bà H có 02 con chung là Lương Viết D, sinh ngày 20/12/1989 và Lương Thanh H1, sinh ngày 20/10/1996. Hai con đều đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Tài sản chung: bà H tự thỏa thuận nên ông không tranh chấp.

- Nợ chung: đối với số nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh N, ông sẽ chịu trách nhiệm tiếp tục thanh toán nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng, ông không yêu cầu Tòa án điều chỉnh, cũng không yêu cầu bà H chịu trách nhiệm trả nợ. Trường hợp có tranh chấp thì ông và Ngân hàng sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

* Tại bản đề nghị ngày 14/12/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh N trình bày:

Ông Lương Viết S và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh N có ký hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 201600679/HĐTD ngày 07/6/2016, số tiền vay 400.000.000 đồng, mục đích vay: bù đắp chi phí xây dựng nhà trọ, hạn trả nợ cuối cùng 07/6/2021. Hộ ông S đã trả nợ đến ngày 14/12/2017 tổng số tiền 243.366.750 đồng, còn dư nợ 200.000.000 đồng. Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 412404 (diện tích 224,3m^2 thửa 15 tờ bản đồ 31 xã T) do ông Lương Viết S đứng tên.

- Hợp đồng tín dụng số 201604114/HĐTD ngày 25/10/2016, số tiền vay 300.000.000 đồng, mục đích vay: để sửa chữa nhà ở, hạn trả nợ cuối cùng 15/10/2019. Hộ ông S đã trả nợ đến ngày 14/12/2017 tổng số tiền 108.069.445 đồng, còn dư nợ 220.000.000 đồng. Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 2009447 (diện tích 241,2m^2 thửa 16 tờ bản đồ 31 xã T) do ông Lương Viết S đứng tên.

Trong quá trình vay vốn, ông S đã trả nợ gốc và lãi đầy đủ. Nay ông Lương Viết S và bà Nguyễn Thị H ly hôn, Ngân hàng đề nghị giao cho ông S được tiếp tục sử dụng vốn vay và trả nợ theo thời hạn đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng không tranh chấp trong vụ án này, trường hợp đương sự vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Ngân hàng đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử và các thủ tục tố tụng khác của Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải, xác định tư cách tố tụng của đương sự, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh N xin vắng mặt, nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự để xét xử theo thủ tục chung.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Bà Nguyễn Thị H xin ly hôn với ông Lương Viết S. Hiện nay ông S cư trú tại ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ tranh chấp được xác định là " Ly hôn". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H, bị đơn là ông Lương Viết S. Ông S, bà H có ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh N nên

căn cứ Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh N.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H chung sống với ông Lương Viết S vào năm 1988, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, tỉnh V (giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01 ngày 30/7/2004) nên hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Tại phiên tòa bà H cương quyết xin ly hôn với ông S vì ông không có trách nhiệm với gia đình, để tiền lập tài khoản riêng, không đưa tiền để bà H nuôi con, con riêng của ông S nhiều lần xúc phạm và hăm dọa bà. Từ tháng 3/2017 vợ chồng bà sống ly thân nhau cho đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào. Ông S thừa nhận con riêng của ông có xúc phạm, hăm dọa cả ông và bà H nhưng do ông còn thương yêu bà H nên không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ con riêng của ông Sơn nhiều lần xúc phạm và hăm dọa bà H nhưng ông S không ngăn cản được. Mặc dù ông S khai còn thương yêu bà H nhưng trong thời gian ly thân, ông S và bà H không hòa giải đoàn tụ. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông S đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên cần cho bà H được ly hôn với ông S là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

Các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét.

Tài sản chung: các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

Nợ chung: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh N và ông S, bà H không tranh chấp khoản nợ mà ông S vay Ngân hàng nên không xét.

[5]. Về án phí: Bà H phải chịu toàn bộ án phí HNGĐ theo quy định.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 217, 220, 227, 228, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc "Ly hôn" đối với ông Lương Viết S.

1. Xử: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lương Viết S.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001761 ngày 02/10/2017của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã D;
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai